

GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ HƯỚNG DẪN GHI CÁC PHIẾU ĐIỀU TRA

NĂNG SUẤT SẢN LƯỢNG CÂY HÀNG NĂM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Phần định danh

Tên và mã số của tỉnh, huyện, xã: Cục Thống kê ghi sẵn trên phiếu theo quy ước như sau: Tên ghi bằng chữ in hoa; mã số cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được ghi theo bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2004 được ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

Tên và mã thôn: Cục Thống kê ghi tên và mã theo mã danh mục thôn thống nhất với các cuộc điều tra diện tích các cây trồng nông nghiệp.

Hộ số: Điều tra viên ghi theo thứ tự hộ trong danh sách hộ điều tra do Cục Thống kê cung cấp.

Số tờ phiếu: trường hợp 01 đơn vị điều tra phải sử dụng từ 02 tờ phiếu trở lên thì ghi rõ tờ phiếu số....trong tổng số....tờ phiếu của đơn vị điều tra.

2. Thông tin đơn vị điều tra

***Đối với hộ:** Ghi đầy đủ họ và tên, số điện thoại liên hệ của chủ hộ và người cung cấp thông tin được điều tra.

***Đối với doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), đơn vị sự nghiệp (ĐVSN):** Ghi theo tên của DN, HTX, ĐVSN trong giấy đăng ký kinh doanh hoặc theo tên trong con dấu. Đồng thời ghi đầy đủ họ và tên, số điện thoại liên hệ của chủ/thủ trưởng DN, HTX, ĐVSN và người cung cấp thông tin. Ngoài ra, cần ghi rõ chức danh người cung cấp thông tin được điều tra.

3. Loại cây trồng được điều tra

Tên và mã loại cây trồng: ghi theo Phụ lục 2. Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp. Tên cây trồng do điều tra viên ghi, mã cây trồng do cán bộ Thống kê ghi trong các phiếu thu thập thông tin.

4. Vụ sản xuất và mã số vụ sản xuất:

Cán bộ Thống kê ghi tên và mã vụ sản xuất theo qui ước như sau:

STT	Vụ sản xuất	Mã số vụ sản xuất
1	Vụ Đông	1
2	Vụ Xuân	2
3	Vụ Đông Xuân	3
4	Vụ Hè Thu	4
5	Vụ Mùa	6

5. Đơn vị tính

Được ghi sẵn và phù hợp với từng chỉ tiêu ở trong các phiếu để đảm bảo tính thống nhất.

Đối với những loại cây cho thu hoạch sản phẩm mà đơn vị tính khác nhau, thì Cục Thống kê cần hướng dẫn điều tra viên quy đổi và ghi thống nhất theo 01 đơn vị tính cho toàn tỉnh. Ví dụ: sản phẩm hoa có thể là bông, cành, giò, chậu,

6. Hình thái sản phẩm

Khi xác định sản lượng sản phẩm, cần lưu ý về hình thái sản phẩm như sau:

(1) Cây lúa, ngô và cây lương thực có hạt khác: Sản phẩm dưới dạng hạt đã phơi khô quạt sạch;

(2) Cây lấy củ có chất bột: Sản phẩm dưới dạng củ tươi, được rửa sạch;

(3) Cây mía: Sản phẩm dưới dạng cây tươi, không lá;

(4) Cây thuốc lá, thuốc Lào:

- Cây thuốc lá: Sản phẩm dưới dạng lá được phơi khô;

- Cây thuốc Lào: Sản phẩm dưới dạng lá được phơi khô, thái sợi;

(5) Cây lấy sợi:

- Cây bông: Sản phẩm là sợi bông sau khi thu hoạch bao gồm cả hạt;

- Cây đay: Sản phẩm là vỏ/bẹ đay được phơi khô (không tính lõi);

- Cói: Sản phẩm là thân cói được chẻ và phơi khô;

- Lanh và cây lấy sợi khác: Hình thái sản phẩm dạng khô;

(6) Cây có hạt chứa dầu:

- Lạc (đậu phộng): Sản phẩm dạng cả vỏ, đã rửa sạch, phơi khô;

- Đậu tương (đậu nành): Sản phẩm dạng hạt, đã khô;

- Vừng (mè): Sản phẩm dạng hạt, đã khô;

- Sản phẩm cây có hạt chứa dầu khác: Sản phẩm dạng hạt, đã được phơi khô.

(7) Rau, đậu, hoa:

- Rau các loại:

+ Rau lấy lá: Sản phẩm dạng tươi được rửa sạch sau khi đã bỏ rễ;

+ Dưa lấy quả: Sản phẩm dạng quả tươi;

+ Rau họ đậu: Sản phẩm dạng tươi;

+ Rau lấy quả khác: Sản phẩm dạng quả tươi;

+ Rau lấy củ, rễ hoặc lấy thân: Sản phẩm dạng củ tươi đã được rửa sạch;

+ Nấm: Sản phẩm dạng tươi sau khi đã bỏ rễ;

+ Rau các loại khác chưa phân vào đâu: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

- Đậu, đỗ các loại: Sản phẩm dạng hạt đã phơi khô.

- Hoa các loại: Sản phẩm dạng bông hoặc giò/chậu hoa tươi.

(8) Cây gia vị, dược liệu, hương liệu hàng năm: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

(9) Cây hàng năm khác: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

II. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

1.1. Phiếu số1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ *cây hằng năm trọng điểm* và *cây hằng năm khác ngoài cây trọng điểm mà hộ trực tiếp sản xuất* làm cơ sở tính toán, suy rộng sản lượng cây hằng năm khác của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm; thông tin về sản lượng sản phẩm cây trồng được để lại phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ để làm căn cứ đánh giá tình trạng cân đối lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích diện tích cây trồng được cơ giới hóa, ứng dụng VietGAP, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết của các hộ mẫu để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

Phạm vi: Các hộ mẫu được chọn điều tra theo từng vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

I. Cây hằng năm trọng điểm

Câu 1: Mỗi phần diện tích có trồng cây trọng điểm được coi là 01 thửa/mảnh, không kể đó là diện tích trồng trọt hay trồng xen. Nếu trên cùng một cánh đồng, hộ trồng tại nhiều thửa/mảnh không liền kề mà ở các vị trí khác nhau mỗi phần diện tích đó được tính là 01 thửa/mảnh.

Cột A, cột B: Ghi số thứ tự, tên các chỉ tiêu;

Cột C: Ghi đơn vị tính của các chỉ tiêu được điều tra. Quy định chung: đơn vị tính diện tích là m^2 , đơn vị tính sản lượng sản phẩm của các loại cây hằng năm là kg. Một số sản phẩm có nhiều đơn vị tính sản lượng khác nhau, cơ quan Thống kê địa phương thống nhất sử dụng chung 01 loại đơn vị tính cho toàn tỉnh.

Cột 1: ghi tổng giá trị các cột 2,3,4,....

(Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + ...).

Các thông tin tổng số được ghi ở tờ phiếu đầu tiên;

Cột 2 đến cột 5: Điều tra viên ghi thông tin của từng thửa/mảnh/cánh đồng mà hộ sản xuất cây trọng điểm.

Cánh đồng.....: ĐTV ghi tên của cánh đồng có các thửa/mảnh mà hộ trực tiếp sản xuất cây trọng điểm. Trong trường hợp trên cùng 01 cánh đồng, hộ sản xuất cây trọng điểm tại nhiều thửa/mảnh khác nhau, ĐTV ghi tên cánh đồng kèm theo kí hiệu thửa/mảnh 1, thửa/mảnh 2,... Ví dụ: Cánh đồng A/thửa 1, Cánh đồng A/thửa 2,....

Thông tin về từng chỉ tiêu của từng cánh đồng được in sẵn trên phiếu, cụ thể như sau:

Dòng 1: Điều tra viên ghi diện tích mà hộ thực tế có gieo trồng theo từng cánh đồng. Bao gồm cả diện tích trồng trên đất khoán và đất đi thuê, mượn, khai hoang, xâm canh,...;

Dòng 2: Điều tra viên ghi diện tích gieo trồng hộ thực tế có ứng dụng cơ giới hóa vào quá trình sản xuất của từng cánh đồng. Cơ giới hóa được hiểu là việc áp dụng các trang thiết bị máy móc như máy cày, máy gieo hạt, máy phun thuốc trừ sâu, thiết bị hỗ trợ làm cỏ,...vào sản xuất cây trồng. Việc ứng dụng cơ giới hóa có thể được thực hiện ở một số công đoạn riêng lẻ hoặc liên hoàn đồng bộ tất cả các công đoạn sản xuất cây trồng... Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ ứng dụng từng bước cơ giới hóa đối với từng phần diện tích của cánh đồng, điều tra viên cộng các diện tích được hộ ứng dụng cơ giới hóa trên mảnh/thửa ruộng đó nhưng đảm bảo tổng diện tích được cơ giới hóa không lớn hơn diện tích của cả cánh đồng ruộng;

Dòng 3: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng trong quá trình sản xuất cây trồng của từng cánh đồng. Nếu hộ sử dụng nhiều loại dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng trên từng phần diện tích của cánh đồng, điều tra viên cộng các diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng không lớn hơn diện tích của cả cánh đồng;

Dòng 4: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có sử dụng phân bón hóa học trong quá trình sản xuất cây trồng của từng cánh đồng. Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ sử dụng nhiều loại phân bón hóa học trên từng phần diện tích của mảnh/thửa ruộng, điều tra viên cộng các diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích sử dụng phân bón hóa học không lớn hơn diện tích của cả cánh đồng;

Dòng 5: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của từng cánh đồng. Tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được hiểu là việc hộ tham gia liên kết với các hộ khác hoặc các tổ chức khác trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây trồng. Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên từng phần diện tích của cánh đồng, điều tra viên cộng các diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm không lớn hơn diện tích của cả cánh đồng;

Dòng 6: Điều tra viên ghi thông tin diện tích mà hộ thực tế có thu hoạch ở từng cánh đồng. Không tính những diện tích mà khi thu hoạch do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,... dẫn tới sản lượng thu hoạch bị thiệt hại hơn 70% so với điều kiện sản xuất bình thường;

Dòng 7: Ghi sản lượng mà hộ thực tế có thu hoạch ở từng mảnh/thửa ruộng. Lưu ý: Khi thu thập thông tin về sản lượng tại hộ, điều tra viên thu thập số liệu sản lượng thu hoạch, không thu thập số liệu về năng suất và tuyệt đối không dùng năng suất ước tính để nhân với diện tích thay cho điều tra sản lượng thực thu.

Dòng 8: Điều tra viên ghi tổng sản lượng sản phẩm cây trồng mà hộ dự kiến để lại ***phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng*** tại hộ như để ăn, uống, cho, biếu, tặng hoặc chế biến nhằm mục đích sử dụng tại hộ. Chỉ tính sản lượng sản phẩm hộ tự sản xuất trong vụ; không tính sản lượng sản phẩm hộ sử dụng cho chăn nuôi; không tính sản lượng sản phẩm hộ mua bán, trao đổi với các đối tượng khác...;

Dòng 9, 10: Điều tra viên ghi tổng sản lượng sản phẩm bán ra và doanh thu hộ thu được từ sản lượng bán ra đó.

II. Cây hằng năm khác ngoài cây trọng điểm

Tương tự như cách thu thập và ghi số liệu đối với cây hằng năm trọng điểm.

Điều tra viên ghi thông tin từng cây hằng năm khác mà hộ thực tế sản xuất theo từng dòng và từng cột tương ứng. Trường hợp một cây hằng năm được hộ sản xuất tại nhiều mảnh/ thửa ruộng thì điều tra viên cộng chung diện tích, sản lượng, doanh thu và ghi vào một cột.

Nếu hộ sản xuất nhiều loại cây trồng mà 01 tờ phiếu không ghi đủ thông tin thì điều tra viên sử dụng tờ phiếu tiếp theo. Điều tra viên và người cung cấp thông tin ký, ghi rõ họ tên ở tờ phiếu cuối cùng.

1.2. Phiếu số 2/NSSL-HNK-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ các loại *cây hằng năm khác mà hộ trực tiếp* sản xuất làm cơ sở tính toán, suy rộng sản lượng các loại cây hằng khác của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm khác và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác; thông tin về sản lượng sản phẩm cây trồng được để lại phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ để làm căn cứ đánh giá tình trạng cân đối lương thực. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích gieo trồng được cơ giới hóa, ứng dụng VietGAP, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết của các hộ mẫu để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng..

Phạm vi: Các hộ mẫu được chọn điều tra theo từng vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

Tham khảo cách ghi phiếu tại mục II của Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HÀNG NĂM KHÁC CỦA HỘ.

1.3. Phiếu số 3/NSSL-HN-DN: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ các loại cây hàng năm (bao gồm cả cây lúa) do *doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp trực tiếp sản xuất* làm cơ sở tính toán, suy rộng sản lượng các

loại cây hằng năm của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích diện tích cây hằng năm được cơ giới hóa, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết của các DN, HTX, ĐVSN để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

Riêng cây lúa, phiếu thu thập thêm các thông tin về giống, việc sử dụng rơm, rạ của từng vụ để phản ánh các thông tin khác liên quan đến việc sản xuất lúa của DN, HTX, ĐVSN.

Phạm vi: Toàn bộ các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp trực tiếp sản xuất cây hằng năm trong vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

Phần I. Cây lúa:

1. Số thửa/mảnh ruộng lúa mà DN, HTX, ĐVSN trực tiếp sản xuất trong vụ này:

Ghi số thửa/mảnh đơn vị thực gieo cấy cho thu hoạch trong vụ sản xuất không kể đơn vị sản xuất trên đất của đơn vị được giao sử dụng hay diện tích đơn vị thuê, mượn, đầu thầu, ... Nếu đơn vị có sản xuất lúa nương/rẫy thì tính chung tất cả diện tích lúa nương/rẫy thành 01 mảnh.

2. Diện tích, sản lượng lúa của DN, HTX, ĐVSN

Thông tin về cây lúa được chia thành hai nhóm lúa ruộng và lúa nương/rẫy. Đối với lúa ruộng thông tin được ghi cho từng thửa/mảnh riêng biệt. Ví dụ một đơn vị có gieo cấy trên 03 mảnh ruộng thì thông tin được ghi cho các cột tương ứng là cột 1(mảnh 01), cột 2(mảnh 02) và cột 3(mảnh 03). Tương tự, thông tin về lúa nương/rẫy được ghi vào cột 7. Cột 6 là tổng cộng các thông tin định lượng của các cột 1, cột 2, cột 3, cột 4 và cột 5. Đối với lúa nương/rẫy thông tin được ghi chung cho tất cả các mảnh vào cột 7. Nếu một đơn vị có nhiều hơn 05 mảnh lúa ruộng thì sử dụng tờ phiếu tiếp theo để ghi phiếu, các thông tin về lúa nương/rẫy và thông tin lúa ruộng tổng số được ghi ở tờ cuối cùng.

Đối với từng mảnh ruộng thông tin cần thu thập được ghi theo hàng theo các chỉ tiêu in sẵn trên phiếu, cụ thể như sau:

+ Diện tích thực gieo cấy: Là toàn bộ diện tích mà đơn vị thực tế có gieo cấy trong phạm vi huyện không kể nguồn gốc, địa điểm. Diện tích thực gieo trồng lúa của đơn vị bao gồm diện tích gieo trồng trên đất nhận khoán, ruộng phần trăm của đơn vị,

xâm canh, đầu trâu, làm rẽ, đất tận dụng, thùng đào, thùng đấu, cây cường, được mạ, chân ruộng trà sớm, trà muộn....

+ Diện tích thu hoạch: Là diện tích thu hoạch sản phẩm hạt thóc. Không tính những diện tích mà khi thu hoạch do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh dẫn tới sản lượng bị thiệt hại hơn 70% so với điều kiện sản xuất bình thường;

+ Diện tích thu hoạch bằng máy: Là diện tích sử dụng máy móc có động cơ chạy nhiên liệu để thu hoạch lúa;

+ Tổng sản lượng thu hoạch: Là sản lượng thóc thực thu của đơn vị bao gồm toàn bộ sản lượng thu hoạch sau khi phơi khô, quạt sạch; sản lượng bán ngay tại ruộng (quy khô) và sản lượng tận dụng cho chăn nuôi, trả công cho người thu hoạch.

Đối với một số tỉnh, nhất là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, theo tập quán có thể bán ngay lúa phơi bông tại ruộng trước khi ra hạt đổ bồ hoặc bán ngay sau khi ra hạt. Do vậy, hạt thóc có thể chưa đạt đến độ khô chuẩn theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Vì vậy, nên tổ chức phơi thí điểm hoặc sử dụng máy đo độ ẩm để tính toán hệ số qui khô cho vùng, cho loại giống chủ yếu.

+ Sản lượng bán ra: Ghi tổng số sản lượng lúa bán ra.

+ Doanh thu bán ra: Ghi số tiền thu được từ sản lượng thóc bán ra.

- Giống lúa sử dụng: Ghi tên giống lúa chủ yếu sử dụng trên từng thửa ruộng. Nếu trên cùng 01 thửa ruộng có gieo cấy nhiều hơn 01 loại giống lúa thì ghi tên của giống lúa chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất của thửa ruộng. Cùng một giống nhưng giữa các địa phương có tên gọi khác nhau, cơ quan Thống kê phải thống nhất sử dụng chung tên một loại giống và hướng dẫn DN, HTX, DVSN ghi mã giống lúa;

- Mã giống lúa: cơ quan Thống kê ghi mã theo Phụ lục 3: Danh mục giống lúa chủ yếu quy định tại Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp.

- Sử dụng rơm rạ chủ yếu: Nếu phần lớn rơm rạ của tất cả các mảnh ruộng để lại ruộng, cánh đồng ghi mã 1; làm chất đốt ghi mã 2; làm thức ăn gia súc ghi mã 3; bán ghi mã 4; các trường hợp còn lại ghi mã 5.

Phần II. Cây hàng năm khác:

Tham khảo cách ghi phiếu tại mục II của Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HÀNG NĂM KHÁC CỦA HỘ.

Phần III: Kết quả sản xuất giống cây hàng năm trong vụ:

- Tên cây giống/nhóm cây giống và mã số: Ghi tên loại cây hoặc nhóm cây giống và mã số theo Phụ lục 2. Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong

Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp. Trong đó cây giống rau, hoa chỉ ghi chung cho nhóm Rau các loại và nhóm Hoa các loại; các cây giống khác ghi cụ thể cho từng loại cây. Tên cây giống do đơn vị điều tra ghi, mã cây giống do cán bộ Thống kê ghi trong các phiếu thu thập thông tin.

- Tổng diện tích ươm giống: Ghi phần diện tích sử dụng **trực tiếp để ươm, trồng** từng loại cây giống, không tính diện tích đất để làm các công trình phụ trợ cho hoạt động sản xuất cây giống. Không tính diện tích cây trồng lấy hạt làm giống, không tính diện tích cây trồng bố, mẹ cung cấp cành, mắt để chiết ghép hay cung cấp mô để ươm cây giống.

- Số cây giống bán ra: Ghi số lượng cây giống mà các cơ sở đã bán ra trong vụ sản xuất của từng loại cây/nhóm cây.

- Doanh thu bán ra: Ghi số tiền thu được từ việc bán cây giống ra bên ngoài.

Người cung cấp thông tin và lãnh đạo đơn vị ký, ghi rõ họ tên, chức danh ở tờ phiếu cuối cùng.